



# Người Nguồn

Bởi:

Wiki Pedia

## Giới thiệu

Người Nguồn là tên gọi cộng đồng người gồm 3,5 vạn nhân khẩu, sinh sống ở huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam. Hiện vẫn còn chưa có sự thống nhất về việc người Nguồn có phải là một sắc tộc riêng hay không.

Trên vùng đất hai tổng Cơ Sa và tổng Kim Linh xưa (thuộc châu Bồ Chính, trấn Nghệ An ngày xưa) của huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình đã có người Nguồn sinh sống. Người Nguồn có ngôn ngữ riêng bền vững, có các sinh hoạt văn hoá riêng biệt và các giá trị văn nghệ dân gian khá phong phú.

Người Nguồn sống xen kẽ với người Sách và người Rục ở Thượng Hóa, Hóa Sơn, người Mày, người Khùa, và người Arem ở xã Dân Hóa và xã Trọng Hóa. Họ thường tự xưng là người Kinh sống xen cùng người Kinh ở các vùng khác mới di cư đến đất Minh Hóa sau này.

## Cách thức sản xuất

Người Nguồn sông bằng nghề làm rẫy, đánh cá, săn bắt, lấy mật ong. Ngoài các nghề này, cho đến nay vẫn còn phổ biến các nghề hái lượm tự nhiên để có cái ăn hàng ngày của người nguồn như bắt ốc, pách(hái) quả cà lào, hái rau rừng, đào khoai mài v.v...

## Làm rẫy

Người Nguồn gọi công việc làm rẫy là "Mần mùa dộng" (trực dịch là "ở rẫy"). Người Nguồn định cư thành từng bản, từng làng. Ngoài định canh cày bừa làm lúa vãi, lúa nước ít ỏi tại bản làng, thì bộ phận lớn người Nguồn còn du canh phát rừng làm nương rẫy, Họ trồng khoai, ngô (tría sậu), v.v... cứ ở chỗ này năm bảy năm lại chuyển đi chỗ khác. Cứ như thế đi hết hung (thung lũng núi hẹp) này sang hung. Tập quán "mần mùa dộng" này được ghi lại khá đầy đủ trong văn học dân gian người Nguồn bằng câu chuyện "Thương con xóc côóc, ăn vôn chôn rọc " và trong bài "xẻ nát" của bài hát "sắc bùa" v.v...

## **Đánh cá**

Người Nguồn có phương pháp đánh cá tập thể. Họ dùng rễ cây Tèng làm cá ngộ độc, say rồi bắt. Vài ba người trở lên có khi cả một bản, một làng cùng nhau vào rừng lấy rễ cây tèng về, lên đầu thác ghềnh của khe suối lấy đá xát đắp cối bỏ rễ tèng vào cùng nhau dùng cây gỗ vát dẹt hai đầu giã cho nước tèng chảy ra giữa vực sâu làm cho cá chết rồi bắt lấy chia nhau về ăn. Chính từ nghề thuốc cá này mà người Nguồn đã sáng tạo cho mình điệu hò thuốc cá (đánh cá bằng thuốc), một điệu hò độc đáo chỉ có người Nguồn mới có.

## **Săn bắt thú rừng**

Người Nguồn săn bắt thú rừng bằng đủ mọi cách : dùng ná (nỏ), dùng tên độc bắn, dùng bẫy vòng, bẫy tó ho... Đặc biệt người Nguồn có cách săn bắt thú rừng tập thể bằng lưới dày công, mác, chó săn. Một bản một làng lập thành phường săn sắm một vàng lưới gồm năm bảy chục tay lưới cùng nhau vào rừng tìm nơi hiểm yếu căng lưới ra, lấy dây chống lên, chọn chục chàng trai đem chó săn đuổi, còn tất cả ngồi nấp kín ở hai đầu lưới. Khi đoàn săn vừa đánh công, vừa đuổi chó săn đuổi con thú chạy vào vàng lưới, thì cả làng xông ra đuổi con thú khiến cho nó chỉ có cách đâm thẳng vào lưới, lưới sập, người chỉ dùng mác (giáo) đâm chết con thú, đốt lửa nướng, mổ thịt chia nhau đem về ăn. Nghề đi săn này cũng được ghi lại trong bài dân ca "Ti mán" (Đi săn) của văn học dân gian người Nguồn.

## **Nghề lấy mật ong rừng**

Vào mùa tháng 3 đến tháng 6 âm lịch hàng năm, nam giới người Nguồn vào rừng tìm oong mạch (ong mật) đánh lấy mật. Ong mật làm tổ dưới các cành cây cao như cây giá, cây trôi, cây seng v.v... Nếu tổ ong mới ở chưa có mật thì lấy dây buộc vào cội cây, nhét một cành cây vào làm nê, báo cho người sau biết, tổ ong trên cây đã có chủ. Khi tổ ong đã có mật, dùng dây bắc đày, dùng búi lá bó ỏn (đuốc) đốt lấy khói đuổi con ong đi mà lấy mật.

Làm nghề này hay gặp tai nạn do đứt dây, gãy cành gây chế người. Điều này cũng được ghi lại trong các câu chuyện dân gian người Nguồn như truyện "Sự tích hang mụ tá Pạc" (Sự tích động bà đá Bạc)...

## **Công cụ sản xuất**

Ngoài cày, bừa, cưa, đục tiếp thu kỹ thuật tiên bộ của người Kinh ra, người Nguồn dùng các công cụ sản xuất phù hợp với nghề sản xuất của họ, đó là rựa rìu, chày tria, ống tria lúa rẫy, chày giã tèng bằng gỗ tạp, dùng xong là vứt ngay tại rẫy, chông chông, troi, pài, v.v...

Người Nguồn

Về đồ đựng đựng thì có "Nàng pôn coóc ("cái đầu bốn góc ), oi, teo, típ gié,(dụng cụ đựng),...

## **Văn hóa vật chất**

### **Ẩm thực**

Người Nguồn thường ăn cơm Pôi, rau lang (rau khoai), ôốc tực (ốc), cà lào...

Cơm pôi là món ăn hàng ngày của người Nguồn. Nguyên liệu chủ yếu ngày xưa là sậu (ngô) hoặc là "thoóc" (lúa), sắn; ngày nay có thêm đậu (đỗ). Dụng cụ làm cơm pôi gồm cối, chày, mẹt, sây, dầm, nôi nân, chõ đồ.

Người Nguồn nấu nước sôi lên thì bắc xuống, cho ngô vào ngâm vài ba tiếng đồng hồ, rồi vớt ra để ráo nước, bỏ vào cối giã, dầm lấy bột, thấm nước lã, nhồi kỹ, đánh tơi ra, bỏ vào "nghe hông" (một dạng chõ) cùng với nước gọi là "nôi nân", lấy mo chuối vắn quanh miệng, rồi bỏ chõ đồ có bột ngô lên, bắc lên bếp đun lửa đồ chín thành "cơm pôi".

Nếu là lúa, thì xay bỏ bớt trấu, vò nước nóng, để ráo, giã dầm lấy bột rồi rồi làm tiếp như " Pôi" bột ngô. Nay thêm sắn thì ngoài việc giã ngô, giã lúa thì sắn thêm bàn mài, bàn ép. Đào sắn tươi về rửa sạch, bóc lấy vỏ mài sắn, ép sắn, rồi trộn bột ngô hoặc lúa vào nhồi kỹ. Cứ mỗi ngày hai bữa ăn thì phải hai lần "tâm pôi", bóc sắn, mài sắn ép sắn và "xôi pôi".

Đây là một công việc vất vả và chủ yếu là việc của người phụ nữ, của người vợ. Ca dao người Nguồn có câu chan chứa tình yêu nam nữ:

Trời mưa dác chần queng hời.

Eng không lé cấy, ai tâm pôi cho eng ăn.

nghĩa là

Trời mưa nước chảy quanh hời.

Anh không lấy vợ, ai giã bồi cho anh ăn.

Các món ẩm thực khác được nhắc đến như sau.

Trông cho mau tếng mùa pôi

Nhớ con ôốc tực tang ngòi trên vâm

nghĩa là.

Người Nguồn

Trông cho mau đến mùa pôi

Nhớ con ốc vặn đang ngồi trên mâm..

Và

Mặt trời tá các tộng ngồi

Ti nô cúng nhớ cơm pôi, thâu lang.

nghĩa là

Mặt trời đã gác động ngồi

Đi đâu cũng nhớ cơm pôi, rau khoai.

**Ở**

Người Nguồn định cư thành từng bản, từng làng. Những địa danh quen thuộc là: Phôốc Lác, Sặt, Lang Cầu, Ang, Pất nằng, Lim, Cụng, Phôốc Dứa, Lang ni, Xét, Lồ hang, Trem, Pôôc, Thón, Sầm, Pặt, Gieo, v.v... Các bản này hợp thành tổng Cơ Sa và Kim Linh ở trên cao nguyên Quy Đạt. Nhưng người nguồn có tập quán du canh du cư, thích thì ở, không thích thì bỏ bản, bỏ làng đến nơi khác lập bản, lập làng làm ăn sinh sống.

Trước Cách mạng tháng Tám, trừ một số nhà giàu làm nhà cặp còn đa số ở nhà pè. Nhà pè là loại nhà nền đất, toàn bộ cột trồng xuống nền nhà sâu từ 50 đến 60 cm và nện chặt. Nếu nhà 3 căn thì có 4 vại (vì), còn nhà 2 căn thì có 3 vại. Mỗi vại có 2 cột chái (trước và sau), 2 cột mê (trước và sau), và một cột doóc (cột nóc), và một páng sa (băng ngang) gác lên hai đòn tay mê ngay hai đầu cột mê. Có hai mái chính (trước và sau) hình thang cân, mỗi mái có ba đòn tay: một đòn tay trái gác lên đầu các cột mê, một đòn tay chông 9 chông 10 gác lên đầu các páng sa song song với đòn tay mê, cả hai mái chung nhau một đòn tay doóc 9 nóc tức là tòn tông ; hai mái hồi hình tam giác cân ở hai đầu hồi, mỗi mái có ba đòn tay: một đòn tay chái gác lên cột chái hồi ở hai đầu buộc vào hai đầu đòn tay trái của hai mái chính, một đòn tay dốc buộc vào ran 2 mái chính, một đòn tay mê buộc vào 2 đòn tay chông của hai mái chính.

Trình tự lắp đặt ngôi nhà pè như sau. Trước tiên trồng hai cây cột mê trước và cột mê sau, rồi gác đòn tay mê lên đầu các cột mê, rồi gác páng sa lên đầu các cột mê, rồi gác đòn tay chông lên đầu các páng sa song song với đòn tay mê. rồi tiếp trồng cột doóc, gác tòn tông, và trồng hai hàng cột chí, gác hai đòn tay chái. Xong bộ khung, lợp lá lèng (tranh), hoặc là lá tro (lá cọ). Chung quanh nhà, hai phía đầu hồi và phía sau rào kỹ, trét đất hoặc thung lá tro, liếp nửa thật kín, phía trước làm cửa, dùng liếp nửa thung kín, tối lại đóng chặt của chống thú dữ. Tri huyện Trần Mạnh Đoàn đã viết:

Người Nguồn

Năm là nhà của bịt bùng

Tứ bề sinh khí không thông chút nào

Đó là kiểu nhà pè theo truyền thống của người Nguồn. Ngày nay kiểu nhà pè này hầu hết được thay thế bằng nhà lợp ngói. Một số ít được thay thế bằng nhà xây...

## **Mặc**

Trước Cách mạng tháng Tám, người Nguồn trông bông kéo sợi, dệt vải, cắt may đồ đạc. Nam giới mặc áo dài thân ngắn hoặc áo bốn thân cổ đứng, may quần đũng chè. Chỉ có chèn để vận túm ngang rốn, rồi dùng một dải vải hoặc lụa gọi là chạc lưng buộc vào. Lúc đầu mặc trắng, sau đó nhuộm nâu (nâu), hoặc chàm mà mặc cho bền. Nữ giới mặc áo dài năm thân hoặc áo ngắn bốn thân cổ kiềng (tròn) và may váy mặc. Váy của người Nguồn thường nhuộm chàm, không có chàm thì nhuộm bùn, xong rồi nhuộm vải nâu cho đê, vận túm trước bụng để che rốn.

## **Văn hoá tinh thần**

Người Nguồn đã tiếp thu nguồn văn hoá và phát huy kho tàng ca dao và làn điệu dân ca của người Kinh như hát sắc bùa, hát bội, hát nhà trò tiếp thu cách làm thầy cúng tế thần linh, tang lễ the "thọ mai gia lễ" v.v... Nhưng cơ bản cho đến nay, người Nguồn vẫn bảo tồn và phát huy những phong tục tập quán sinh hoạt văn hoá tinh thần của mình.

## **Tín ngưỡng**

Trong tín ngưỡng của người Nguồn có một hệ thống thần linh sau đây :

Pụt: là vị thần linh trên hết được người Nguồn thờ cúng để cầu tự tài lộc, cầu thọ. Theo tâm linh người Nguồn được người già kể lại: Pụt là người tài giỏi đức độ biến hoá không lường. Pụt đã tạo ra con người. Sau đó, ai không có con,... đến chỗ Pụt cầu xin... Pụt có thể biến thành người hiền từ giúp người lương thiện gặp hoạn nạn, trừng trị kẻ tham lam độc ác. Pụt hoá thành tượng đá bên chóp lèn ông ngoi (12 ông). Sau đó được người Nguồn mang xuống thác Dác Giòn hai ông, Lập bàn thờ Pụt tại đó. Cho đến nay thác Dác Giòn được gọi là thác Pụt. Cứ ba năm một lần, vào ngày rằm tháng ba âm lịch, hàng tổng tổ chức làm chay tế cho Pụt, cầu cho mưa thuận gió hoà dân làng bình yên làm ăn. Các thầy cúng tế dịch chữ Pụt thành Phật, với hiệu mời là "Thập nhị Đức Phật như lai", rồi sau đó làm nhà thờ Pụt gọi là nhà Chùa, nên làm cho nhiều nhà nghiên cứu lầm tưởng người Nguồn cũng theo đạo Phật như người Kinh. Nhưng người Nguồn thờ Pụt là vị thần tổ đã sinh ra người mình, luôn luôn ở bên mình, giúp người mình mọi điều tốt lành.

Nhân thần: là những người bản xứ - người Cọi - lương thiện, tài giỏi, có công giúp vua đánh giặc như ông Đổ mỗ, hoặc người đi làm ăn ngộ nạn như ông Lâm Vọ, ông Lục Cục, ... Họ chết hóa thành thần linh được người nguồn lập miếu thờ cúng được vua phong sắc thần "đương cảnh chi thần" hợp thành hệ thống thần giang sơn bản mệnh của bản, làng, phù hộ cho mưa thuận gió hoà, dân làng bình yên làm ăn thịnh vượng. Mỗi làng bản người nguồn đều lập miếu thờ các Nhân thần. Theo quan niệm của người Nguồn, nơi nào có người ở làm ăn thì nơi đó có nhân thần. Có nhân thần được vua sắc phong, nhưng phần nhiều không được vua sắc phong mà vẫn được người Nguồn thờ cúng như Mụ tá Pạc, Mệ Ngó, Cha Ngan, Ông Mo, Thăng Xích.... Sau Cách mạng tháng Tám tất cả các vị thần được lập miếu thờ ở Cơ Sa và Kim Linh, đều làm lễ tập trung ở tại Cầu Púng, thuộc xã Yên hoá.

Thần giang sơn: Mỗi bản làng người Nguồn đều có hệ thống thần giang sơn (thần khe núi) làm bản mệnh. Gồm các vị thần được lập miếu thờ và các thần trời đất, khe núi trong bản làng. Nơi thờ các thần có miếu thờ thì thờ cúng tại miếu, các thần khác được chọn một nơi rừng rậm um tùm của vùng đồi gọi là lùm thần, đóng 13 bộ vì để gác mâm lễ vật lên mà cúng. Ở làng Sặt có lùm thần Dum De, bản Cầu Nghiêng của làng Sặt có lùm thần Dôm Sôi, làng Quy Hợp có lùm thần Dôm Pầu... Lễ cúng cầu nguyện hàng năm gồm: (a) Lễ khai sơn vào mùng 7 tết, lễ vật cúng gồm mỗi mâm một hoặc vài chiếc pég rô to vuông vức do dân đem đến theo lệ bản làng đã quy định; (b) Lễ xuống chông, tức lễ tra, vai giống đầu tiên trong vụ mùa vào tháng 4 âm lịch; (c) Lễ cho trâu vào kiệt, lễ cầu thóc lổ (Lúa trổ) vào tháng bảy; (d) Lễ cuối năm chạp miếu vào 20 tháng chạp với lễ vật cúng của mỗi lễ này là gà xôi, gà do dân làng góp lại theo quy định của bản làng. Người đứng cúng những lễ này là do ông Thủ từ do thần Giang sơn bản mệnh chọn trong buổi lễ sám tế thần bản làng vào rằm tháng giêng bằng cầm keo, ai được 3 keo sấp, 1 keo ngã bạc là được làm cúng bái. Lời cúng là lời cúng xạ tình cầu nguyện gì thì nói nấy.

Thờ cúng ông bà tổ tiên: Trước Cách mạng tháng Tám, người Nguồn ở Cơ Sa và Kim Linh chỉ có họ Đinh của ông Lý Vị có nhà thờ học tại lang Sặt, nhưng sau cách mạng, nhà thờ đã hư hỏng, tất cả các họ khác không có nhà thờ họ, không có đất hương hoả từ đường. Việc thờ cúng ông bà tổ tiên được con cháu trai đã có gia đình ở nhà riêng lập bàn thờ tại nhà. Về bên nội, thờ từ ông cao tăng tổ, bà cao tăng tổ đến cha mẹ (đã chết). Về bên ngoại chỉ có thờ ông bà ngoại và cha mẹ vợ. Việc cúng giỗ ông bà tổ tiên vào các dịp: Tết nguyên Đán, rằm tháng ba, ăn cơm mới, ăn mừng con, cưới hỏi, kỵ giỗ ông bà cha mẹ, ... Trong đó đặc biệt là cúng Tết Nguyên đán chiều 28 tết làm lễ "ngược ông vãi" mời ông bà tổ tiên về bàn thờ, bàn thờ được mở cửa cả đêm ngày, trong các ngày 29,30, mùng 1,2 Tết. Mỗi ngày 2 buổi trưa và chiều gác cơm canh cho ông bà tổ tiên ăn bữa, đến chiều ngày mùng 2 tết làm lễ "Tua ông vãi" tiễn ông bà tổ tiên quy hồi phần mộ, quy hồi bồn sông, của bàn thờ được đóng lại mới hết cúng Tết nguyên đán. Cho đến nay người Nguồn vẫn thờ cúng ông bà tổ tiên mình như vậy, không có mâm ngũ quả trong ngày tết nguyên Đán.

Thành Hoàng làng: Từ xa xưa người Nguồn chỉ thờ Pụt bằng bàn thờ ở thác Pụt và ở nhà Chùa, thờ nhân thần và thờ Giang sơn bản mệnh tại miếu và lùm thẳm, thờ ông bà tổ tiên tại nhà thờ con cháu. Còn văn hoá đình làng và thờ thành hoàng làng thì mới có khoảng năm 1920 về sau, như đình làng Quy Đạt, Yên Đức, và Kim bằng khánh thành năm 1925. Theo văn bản văn tế bằng chữ Hán có được thì thiêng thờ tại các đình làng đó là: Đức vua Cao các Mạc Sơn, Đức vua cao Sơn tặng phong phúc đức đại vương và các ông "Sung hậu thần", là ông thủy tổ của các họ trong làng.

## **Phong tục**

### ***Tang chế, ma chay***

Người Nguồn lập bàn thờ đặt phục vị người chết thờ cúng cơm ngày hai buổi cho người chết "ăn bữa" suốt 24 tháng, con cháu để tang khó cho tới khi làm lễ mãn tang, hết khó, cho người chết nhập tổ, lên bàn thờ cúng ông bà tổ tiên mới thôi cúng cơm.

### ***Cưới xin***

Ngày xưa, sau lễ sê cây (lễ ăn hỏi), con trai phải đi làm rẫy ba năm mới xin cưới, cưới xong phải làm rẫy thêm một thời gian nữa mới xin được rước du (rước dâu). Đến lúc đó, nhà trai mới làm lễ ngược cây (đón vợ) về nhà chồng. Từ đó vợ chồng mới thật sự ăn ở với nhau. Nay người Nguồn đã bỏ làm rẫy, mà vừa cưới và ngược cây vào một ngày luôn.

### ***Sinh đẻ***

Hầu hết người Nguồn sinh đẻ không có tục "bán phong long", không có tục "sinh con so nhà mẹ, sinh con gái nhà chồng", mà người đẻ phải được hơ nắng kỹ lưỡng bảy đến chín ngày, được nghỉ ngơi kiêng cử đi xa, kiêng cử làm việc nặng, kiêng cử sinh hoạt vợ chồng trong ba tháng mười ngày để cho người mẹ có điều kiện chăm sóc con trong ba tháng non yếu.

### ***Các lễ hội, phong tục khác***

Người Nguồn có những phong tục và lễ hội văn hoá đặc sắc đặc trưng văn hoá của mình.

Tục bung cỗ tết cho ông bà, cha, mẹ nội ngoại đương sống ăn tết Nguyên đán trước, gọi là tục "com tàu"(giỗ sống). Đây là một phong tục của người Nguồn với lí giải khi cha mẹ còn sống thì phải cho ăn uống thơm tất, con cái báo hiếu, lúc chết rồi đồ cúng cha mẹ còn đâu mà hưởng.

Tục lễ ăn tết, rằm và hội chợ rằm tháng Ba âm lịch hàng năm. Đây là một lễ hội chỉ có ở người Nguồn, được ghi lại sâu sắc trong văn học dân gian người nguồn:

Người Nguồn

Trông cho tết rằm tháng ba.

Tở Kinh Lim cầu đảo, Cơ Sa lễ chùa.

nghĩa là

Trông cho đến rằm tháng ba.

Đẻ Kim Linh cầu đảo, Cơ Sa lễ chùa.

Và

Chẳng thà tau ôm má năm.

Không ai má lác chợ rằm tháng Pa.

nghĩa là

Thà rằng đau ôm má năm.

Không ai mà bỏ chợ rằm tháng ba.

Tục chữa bệnh cho người và gia súc bằng thổi phù phép và cỏ nam cũng là một phong tục văn hoá đẹp Cca người Nguồn, được ghi lạ "Tón thí ăn trâu, trâu thí ống cỏ" ...

Đặc biệt, một hpong tục tập quán lễ hội mới cũng chỉ có người Nguồn mới có, là lễ ăn tết Độc lập mông 2/9, người Nguồn gói bánh rò, bánh chung, sắm cỗ bàn cúng tổ tiên, cho con cháu ăn Tết và tổ chức vui chơi mừng ngày Độc lập, bỏ tết Đoàn ngộ.

## **Ngôn ngữ**

Người Nguồn đã gìn giữ và phát huy được tiếng mẹ đẻ của mình là tiếng Nguồn. Với vốn tiếng mẹ đẻ là tiếng Nguồn, người Nguồn sáng tạo cho mình kho tàng văn học dân gian phong phú đặc sắc gồm truyện dân gian, thơ ca dân gian, phản ánh sâu sắc hiện thực lịch sử cuộc sống người nguồn từ xa xưa cho đến nay. Báo Quảng Bình và báo Văn hoá đời sống Quảng Bình đã đăng tải, giới thiệu một số bài văn học dân gian người Nguồn... Người Nguồn cũng sáng tạo ra những làn điệu dân ca đặc sắc gồm hò thuốc cá, đàn đúm, hát ru ... các làn điệu dân ca đó phản ánh cung cách sinh hoạt, khiếu thẩm mỹ và trình độ văn hoá của người Nguồn. Đặc biệt, điệu hò thuốc cá với cặp từ láy nhịp "hôi lên là hôi lên", là điệu hò bắt nguồn từ nghề lao động thuốc cá tập thể bằng rế cây tềng của người Nguồn, gắn bó keo sơn với nghề thuốc cá tập thể của người nguồn từ xa xưa cho đến nay. Không những phát huy trong nghề thuốc cá, mà cả trong việc đàm đất mặt đê trên các công tường thuỷ lợi có người Nguồn tham gia, trong các cuộc hội hè và cả trong một số bài hát của những nhà sáng tác ca khúc ca ngợi quê hương như



bài "Minh Hóa -Buônlapha" và bài "Âm vang điệu hò quê hương " của Đinh Văn Chiêu, "Vấn vương Minh Hóa quê mình" của ?... Người Nguồn rất tự hào về điệu hò thuộc cá này, coi đó là điệu hò độc đáo, chỉ có người Nguồn mới có. Cùng với kho tàng văn học dân gian và các làn điệu đàn, đúm, ru con ... của người Nguồn là niềm tự hào không chỉ của đồng bào Nguồn, mà còn là niềm tự hào cho cả đồng bào các dân tộc sinh sống ở huyện Minh Hóa từ xưa đến nay.

### **Cuộc sống của người Nguồn hiện nay**

Hiện nay, mức sống của người Nguồn đã cao hơn trước nhiều, không còn cảnh du canh, du cư mà ổn định làm ăn, trồng lúa nước, trồng rừng, trồng cao su,... Thu nhập (GDP) đạt mức trung bình, đã có nhiều ngôi nhà cao tầng, chợ thường xuyên buôn bán tấp nập. Tuy có lối sống gần với người Kinh nhưng nét riêng của người Nguồn vẫn còn trong cuộc sống cũng như trong công việc thường ngày